TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2024/KDTM-PT Ngày: 10 - 4- 2024 V/v Tranh chấp hợp đồng san lấp	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng.

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 23/2022/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng san lấp"

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2022/KDTM-ST ngày 18/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2023/QĐXX-PT ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần N

Địa chỉ: đường N, Khu đô thị B, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1953; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số A, Lý Tự T, ấp B, xã L, Thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền ngày 09/3/2022), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Huỳnh Q là Luật sư - Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư Tỉnh C (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH X D

Địa chỉ: Ấp D, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Kim T1, sinh năm 1985; Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đào Công K, sinh năm 1964, địa chỉ: Số A, Lê Hồng P, khóm G, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền ngày 24/4/2022), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Chí T2, là Luật sư của Chi nhánh Công ty L2 và Cộng sự tại Cà Mau, thuộc Đoàn luật sư tỉnh C (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn T3, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (xin vắng mặt)

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Theo Bản án phúc thẩm số 47/2020/ KDTM-PT ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, thì ông Trần Văn T3 không còn sở hữu cổ phần trong Công ty cổ phần N (sau đây gọi tắt là Công ty N), không còn là người đại diện theo pháp luật, nhưng ông T3 vẫn nhân danh Công ty N ký kết với Công ty Trách nhiệm hữu hạn X1 (sau đây gọi tắt là Công ty X1) hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021 có nội dung về việc Công ty X1 cung cấp hàng hóa là cát san lấp mặt bằng tạp chất không quá 15%, có khối lượng là 42.000m^3 giao tại khu đô thị M với đơn giá 270.000đ/m^3, tổng thành tiền 11.340.000.000đ, đơn giá có thể điều chỉnh theo thị trường nhưng phải thông báo trước 30 ngày. Nhưng phía Công ty X1 không có hồ sơ, chứng từ thể hiện nguồn gốc đất san lấp, mục đích của hợp đồng không phù hợp với quy hoạch của dự án của Công ty N.

Thực tế, từ sau ngày 12/8/2020, là ngày Bản án phúc thẩm số 47/2020/ KDTM-PT ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực, Công ty X1 không có thực hiện san lấp khối lượng nào trong khu dự án, nhưng Công ty N đã chuyển cho Công ty X1 số tiền 5.800.000.000đ.

Vì vậy, Công ty cổ phần N có đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021 giữa Công ty cổ phần N do ông Trần Văn T3 đại diện ký kết với Công ty TNHH X1 và yêu cầu Công ty TNHH X1 phải giao trả lại số tiền 5.800.000.000đồng (năm tỷ tám trăm triệu đồng) đã nhận của Công ty Cổ phần N.

Tại phiên tòa, Công ty N giữ nguyên yêu cầu hủy hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021 giữa Công ty cổ phần N do ông Trần Văn T3 đại diện ký kết với Công ty TNHH X1. Và rút lại yêu cầu khởi kiện về việc Công ty TNHH X1 phải giao lại số tiền 5.800.000.000đồng (năm tỷ tám trăm triệu đồng) đã nhận của Công ty Cổ phần N.

Ngoài ra, Công ty N có Đơn yêu cầu Tòa án thu thập các Hợp đồng, chứng từ, hóa đơn, liên quan đến gói thầu XL-09 giữa Chi nhánh Công ty cổ phần Đ với Trạm ra đa 23; Hợp đồng vận chuyển và đổ thải hữu cơ số 01/HĐHC ký ngày

02/10/2019 giữa Chi nhánh Công ty cổ phần Đ với Công ty TNHH X1 và Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, tài liệu thanh quyết toán, Biên bản thanh lý hợp đồng, hóa đơn, chứng từ, phiếu thu, phiếu chi liên quan đến hợp đồng số 01/HĐHC ngày 02/10/2019 và đưa Chi nhánh Công ty cổ phần Đ và Trạm ra đa 23 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để chứng minh về nguồn gốc và khối lượng đất san lấp.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn không đồng ý toàn bộ, lý do Hợp đồng không tồn tại trên thực tế, không có cơ quan chức năng khảo sát trước khi ký hợp đồng. Các biên bản nghiệm thu (lần 1) ngày 13/11/2020 và Biên bản nghiệm thu (lần 2) ngày 05/02/2021 do ông Trần Văn T3 và bà Lê Kim T1 ký là lập khống trước ngày ký hợp đồng số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021, cách thức nghiệm thu không đúng thỏa thuận tại hợp đồng.

Theo đơn yêu cầu phản tố của bị đơn và trình bày của người đại diện hợp pháp của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Công ty X1 và Công ty N cùng thỏa thuận và ký kết Hợp đồng nguyên tắc ngày 11/8/2020 với nội dung là Công ty X1 cung cấp hàng hóa là đất hữu cơ không quá 15% tạp chất san lấp mặt bằng, giao tại công trình khu đô thị M, ấp B, xã L, thành phố C với khối lượng là 70.000m^3, đơn giá là 190.000đ/m^3, thành tiền là 13.300.000.000đ, đơn giá có thể điều chỉnh theo thị trường, hình thức thanh toán chuyển khoản hoặc tiền mặt. Sau mỗi chuyến bàn giao, Công ty N giao phiếu giao nhận hàng cho Công ty X1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận phiếu giao nhận khối lượng hàng, Công ty N có trách nhiệm thanh toán tiền phù hợp với khối lượng đã nhận cho Công ty X1. Trường hợp vi phạm bất cứ điều khoản nào đã thỏa thuận thì bị phạt khoản tiền bằng giá trị 5% giá trị của từng đợt giao hàng. Đến ngày 14/9/2020, Công ty X1 đã thông báo bằng văn bản đến Công ty N về việc điều chỉnh giá từ 190.000đ/m^3 lên 210.000đ/m^3.

Trước khi ký kết hợp đồng này, hai bên Công ty cùng tiến hành khảo sát để xác định khối lượng san lấp mặt bằng trước khi thi công, có ghi lại hình ảnh khu vực sẽ san lấp, có sự chứng kiến và xác nhận của UBND xã L đối với khối lượng khảo sát này. Do không phải thực hiện san lấp công trình có nguồn vốn từ Ngân sách nhà nước mà là nguồn vốn cá nhân nên không cần thiết phải có cơ quan chức năng khảo sát khối lượng. Mặt khác, Công ty X1 chỉ là Công ty T5, không phải là Công ty có chức năng khai thác đất, cát và căn cứ vào biên bản xác minh (Bút lục số 220) thì đã có nguồn gốc đất rõ ràng do đó việc yêu cầu cung cấp chứng cứ chứng minh giấy phép khai thác và nguồn gốc đất san lấp là không cần thiết.

Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên tắc ngày 11/8/2020, Công ty X1 đã tiến hành san lấp và nghiệm thu lần 01 vào ngày 13/11/2020, khối lượng thực hiện từ ngày 11/8/2020 đến 12/11/2020, là 9.352,8m^3, bằng 1.793.232.000đ; nghiệm thu lần 02 ngày 05/02/2021, khối lượng thực hiện từ ngày 13/11/2020 đến 04/02/2021, là 99.197,28m^3, bằng 21.939.120.000đ. Tổng cộng khối lượng và giá trị nghiệm thu của 02 đợt là 108.550,08m^3 x 210.000đ/m^3 = 22.795.516.800đ. Các lần nghiệm thu đều được lập biên bản và có giám đốc của hai Công ty cùng ký tên và đóng

dấu. Tuy nhiên, biên bản nghiệm thu lần 1 và lần 2 đều tính nhầm số tiền thành tổng cộng 23.732.352.000đ là không chính xác.

Công ty N đã thanh toán chuyển khoản cho Công ty X1 tổng cộng số tiền 5.800.000.000đ vào các ngày: Ngày 05/4/2021 chuyển khoản 1.200.000.000đ; Ngày 06/4/2021 chuyển khoản 1.100.000.000đ; Ngày 29/4/2021 chuyển khoản 2.000.000.000đ; Ngày 12/5/2021 chuyển khoản tiếp 1.500.000.000đ thì ngưng cho đến nay. Công ty N chưa thanh toán số tiền còn lại là 16.995.516.800đ. Công ty X1 đã nhiều lần đòi nợ nhưng Công ty N vẫn chưa thanh toán do nội bộ Công ty N có tranh chấp. Vì vậy đến ngày 01/11/2021, Công ty X1 gửi đến UBND xã L yêu cầu đòi Công ty N thanh toán nợ và thông báo cho UBND xã cũng như Công ty N biết, nếu không thanh toán hợp đồng, Công ty X1 buộc lòng phải đem phương tiện vào thu hồi lại phần đất của mình đã san lấp trước đây. Tại đơn yêu cầu phản tố, Công ty X1 cho rằng đã thu hồi lại tổng cộng là 294 xe x 6,8m^3/ xe = 1.999,20m^3, nhưng tại phiên tòa, Công ty X1 chấp nhận là đã thu hồi 4.000m^3 theo như trình bày của ông Châu Xuân T4, là Phó Giám đốc Công ty N tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C. Cơ quan chuyên môn của Sở X2 có văn bản trả lời rằng vì là mùa mưa nên việc khảo sát, kiểm định không chính xác, hiện nay Công ty X1 cũng không có yêu cầu bất cứ cơ quan nào thực hiệm khảo sát, kiểm định khối lượng đất đã san lấp mà căn cứ vào khối lượng thực tế mà hai bên đã nghiệm thu để thanh toán hợp đồng.

Ngoài ra, vào ngày 15/02/2021, Công ty X1 và Công ty N tiếp tục ký hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT với nội dung giống như Hợp đồng nguyên tắc ngày 11/8/2020, chỉ điều chỉnh lại đơn giá, nhưng từ khi ký hợp đồng số 09/2021/HĐKT này cho đến nay, do Công ty N chậm trễ trong quá trình thanh toán khối lượng của 2 đợt nghiệm thu của Hợp đồng nguyên tắc ngày 11/8/2020 nêu trên, vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Hợp đồng nên Công ty X1 không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021.

Nay bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy Hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021. Đồng thời bị đơn có yêu cầu phản tố như sau: Yêu cầu chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021. Và yêu cầu nguyên đơn thanh toán cho bị đơn các khoản tiền sau:

Giá trị khối lượng chưa thanh toán của Hợp đồng nguyên tắc ngày 11/8/2020 là 16.995.516.800đ;

Phạt vi phạm hợp đồng là 16.995.516.800 x 5% = 849.775.840đ;

Trừ đi giá trị khối lượng bị đơn đã thu hồi là 419.832.000đ. Nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn số tiền 17.425.460.640đ.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt và ý kiến đối với vụ án đề ngày 12/9/2022 của ông Trần Văn T3 thể hiện:

Ông xác định việc ông ký hợp đồng thực hiện việc san lấp đất với Công ty X1 và các biên bản nghiệm thu khối lượng, hồ sơ thực hiện hợp đồng san lấp,... khu đô thị M với tư cách người đại diện theo pháp luật (Giám đốc) của Công ty cổ phần N là phù hợp quy định của pháp luật. Hiện nay ông không còn làm người đại diện theo pháp luật của Công ty N nên Ban lãnh đạo mới của Công ty N phải có trách

nhiệm kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty N để thực hiện hợp đồng và thanh toán phần tiền còn lại đối với Công ty X1.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/KDTM-ST ngày 18/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần N về việc yêu cầu hủy Hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021 được ký kết giữa Công ty cổ phần N với Công ty TNHH X1.

- Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần N về việc yêu cầu Công ty TNHH X1 trả lại cho Công ty cổ phần N số tiền 5.800.000.000đ.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH X1.

- Chấm dứt thực hiện Hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021.

- Buộc Công ty cổ phần N thanh toán cho Công ty TNHH X1 tổng số tiền là: 16.963.292.640đ (Mười sáu tỷ chín trăm sáu mươi ba triệu hai trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm bốn chục đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH X D khoản tiền chênh lệch là 462.168.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28/10/2022, Công ty N kháng cáo toàn bộ bản án cho là việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa đầy đủ. Kháng cáo bổ sung yêu cầu phúc thẩm thẩm định lại phần đất đã san lấp và thu hồi đi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn yêu cầu giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; Của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty N giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn còn trong hạn luật định, nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm cho thẩm định lại phần đất đã san lấp và đã múc đi; Ông Trần Văn T3 không còn là giám đốc Công ty N nhưng vẫn ký biên bản nghiệm thu, yêu cầu cung cấp, thu thập các tài liệu giữa Công ty X1 và Trạm Ra đa 23 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty cổ phần N và các lần đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 21/10/2021; Công văn số 85/CV-ĐKKD ngày 06/11/2020 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch & Đầu tư tỉnh X2 về việc người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh X2; Công văn số 95/CV-ĐKKD ngày 02/12/2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật đối với Công ty cổ phần G bà Nguyễn Thị B;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X1 xác định, tại thời điểm ký kết các hợp đồng, bao gồm: Hợp đồng nguyên tắc ngày 11/8/2020, Hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021, Phụ lục hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT ngày 22/02/2021 thì Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần N là ông Trần Văn T3, đến ngày 14/5/2021, được đăng ký thay đổi người đại diện Công ty N là bà Nguyễn Thị B. Bản án phúc thẩm số 47/2020/ KDTM-PT ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực ngày 12/8/2020. Tại Công văn số 622/STP-XDKT&TDTHPL ngày 09/4/2021 của Sở tư Pháp tỉnh Cà MaX2 trả lời cho Sở tài nguyên Môi trường tại điểm 3 về thay đổi tư cách người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần. Công ty phải tuân thủ theo trình tự, thủ tục thay đổi nội dung giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp. Bản án số 47/2020 ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân tối cao giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, tại thời điểm ông Trần Văn T3 ký nghiệm thu hợp đồng san lấp với công ty X1 chưa có cơ quan nào ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty N. Như vậy tư cách đại diện theo pháp luật của ông T3 vẫn không bị hạn chế.

[2] Xét Hợp đồng nguyên tắc ngày 11/8/2020, Hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021 và Phụ lục hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT ngày 22/02/2021 được người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần N và Công ty TNHH X1 ký kết trên tinh thần tự nguyện, đúng thẩm quyền ký kết, có mục đích và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 117, 423 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên phải có trách nhiệm nghĩa vụ thực hiện. Vì người đại diện theo pháp luật của Công ty N đến ngày 14/5/2021 mới được thay đổi là bà Nguyễn Thị B.

[3] Đối với Hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021 và phụ lục được ký kết giữa Công ty cổ phần N với Công ty TNHH X1, xét thấy hợp đồng được các chủ thể có thẩm quyền ký kết, có mục đích và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng là không phù hợp. Bị đơn cho rằng do Nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, bởi lẽ do các bên có tranh chấp nên hợp đồng này chưa được thực hiện trên thực tế, hiện nay Nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng, không tiếp tục thực hiện. Bị đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021 là phù hợp với quy định tại Điều 422 Bộ luật dân sự nên có cơ sở chấp nhận. Do Hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021 chấm dứt nên Phụ lục ngày 22/02/2021 kèm theo của hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021 cũng chấm dứt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH X1 hủy Hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021, Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2021 và phải giao trả số tiền 5.800.000.000đồng. Án sơ thẩm tuyên đình chỉ, nhưng đã đối trừ cho nguyên đơn, vì số tiền này nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn để thanh toán hợp đồng nguyên tắc ngày 11/8/2020, cho nên phải được đối trừ vào nghĩa vụ thanh toán.

[4] Đối với việc thực hiện Hợp đồng nguyên tắc ngày 11/8/2020, xét thấy, căn cứ vào các Biên bản nghiệm thu lần 1 ngày 13/11/2020 và lần 02 ngày 05/02/2021

do Người đại diện theo pháp luật của hai Công ty ký xác nhận, Biên bản về việc khảo sát, xác định khối lượng san lấp mặt bằng trước khi thi công ngày 10/8/2020, và các bản ảnh hiện trạng khu vực trước khi san lấp do Bị đơn cung cấp (Bút lục từ số 76 đến số 83, số từ số 130 đến số A), Biên bản làm việc về giải quyết yêu cầu của Công ty cổ phần N ngày 21/01/2022 của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh X2 (Bút lục số 273), Hợp đồng vận chuyển và đổ thải hữu cơ số 01/HĐHC ngày 02/10/2019 giữa Chi nhánh Công ty CP Đ – PIDI với Công ty TNHH X1 (Bút lục 264-266); Biên bản làm việc ngày 20/4/2022 tại Trạm Ra đa 23 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C về việc xác minh Công ty X1 hợp đồng san lấp mặt bằng (Bút lục 220), Biên bản ghi lời khai của những người trực tiếp thực hiện việc san lấp là Trần Vũ L, Hà Hoàng E, Nguyễn Thanh P1, Ký Bửu Lai tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C (Bút lục số 197, 198 và từ số 205 đến 210) và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ kèm theo các bản ảnh hiện trạng lúc xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 29/7/2022 (từ số 317 đến số C) cho thấy, mặc dù phương thức nghiệm thu khối lượng đất san lấp không đúng thỏa thuận tại Hợp đồng nhưng thực tế Công ty X1 đã thực hiện đổ đất san lấp mặt bằng cho Công ty N và đã được người đại diện hợp pháp của hai Công ty ký xác nhận nghiệm thu hai lần với tổng khối lượng thực hiện là 108.550,08m^3. 108.550,08m^3 x 210.000đ/m^3= 22.795.516.800đ.

Song, các bên có tranh chấp về khối lượng và vị trí san lấp, theo hai biên bản nghiệm thu, do Công ty N không thanh toán nên sau đó Công ty X1 đã múc đi một phần đất cả hai bên cũng không xác định được chính xác cụ thể khối lượng là bao nhiêu. Theo nguyên đơn cho là dựa vào bản đồ không ảnh đã chụp để giám định khối lượng san lấp còn lại, điều này là chưa có căn cứ vì khi san lấp vị trí có ao, hồ đã được khảo sát thì không thể căn cứ bản đồ không ảnh được.

[5] Căn cứ vào kết quả kiểm định ngày 27/02/2024 của Trung tâm quy hoạch và kiểm định xây dựng của Sở xây dựng tỉnh X2 đã kiểm định kiểm tra bằng máy thủy bình, kinh vĩ kết hợp khoan, đào xác định chiều cao đã san lấp kết quả tổng khối lượng đất san lấp mặt bằng của 6 khu đất theo hợp đồng đã khảo sát có khối lượng là 30.687,48m^3. Bị đơn cho là do thời gian, thời tiết nên khối lượng san lấp đã thay đổi, không còn như hiện trạng ban đầu và việc giám định sẽ không chính xác, nhưng cũng chưa có văn bản, căn cứ nào chứng minh được cho, nên chỉ chấp nhận Công ty X1 đã san lấp số lượng, theo kết quả kiểm định ngày 27/02/2024 của Trung tâm quy hoạch và kiểm định xây dựng của Sở xây dựng tỉnh X2 đã kiểm định vị trí, khối lượng san lấp do Công ty X1 là 30.687,48m^3 Công ty N cho là khối lượng san lấp mặt bằng theo vị trí xác định 22.464,83m^3 là chưa có căn cứ.

Như vậy có căn cứ xác định Khối lượng do Công ty X1 đã san lấp là 30.687,48m^3 x 210.000đ = 6.444.370.800đ. Công ty N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty X1

Được đối trừ với số tiền đã thanh toán là 5.800.000.000đ. Như vậy 6.444.370.800đ - 5.800.000.000đ = 644.370.800đ. Đối với yêu cầu phạt vi phạm Hợp đồng nguyên tắc ngày 11/8/2020 của bị đơn, xét thấy, các bên nghiệm thu khối lượng san lấp lần sau cùng vào ngày 13/11/2020 nhưng cho đến nay phía Công ty N vẫn chưa thanh toán đầy đủ cho phía Công ty X1 là vi phạm nghĩa vụ

thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng, vì vậy công ty X1 yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng là có căn cứ trên số tiền vi phạm chậm thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng bằng 5% x 644.370.800đ. = 32.218.540 đ được chấp nhận.

[6] Tổng cộng hai khoản Công ty N còn phải thanh toán tiếp cho Công ty X1 là 644.370.800đ + 32.218.540đ = 676.589.340đ

[7] Bị đơn Công ty X1 phản tố yêu cầu công ty N trả số tiền 17.425.460.640đ đối trừ số tiền được chấp nhận là 676.589.340đ = 16.748.871.000đ không được chấp nhận.

[8] Do việc ký kết, thực hiện, thanh lý, quyết toán gói thầu XL-09 giữa Chi nhánh Công ty cổ phần Đ với Trạm ra đa 23; và việc ký kết, thực hiện hợp đồng vận chuyển và đổ thải hữu cơ số 01/HĐHC ký ngày 02/10/2019 giữa Chi nhánh Công ty cổ phần Đ với Công ty TNHH X1 là các giao dịch độc lập, không liên quan đến Hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021, Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2021, Hợp đồng nguyên tắc ngày 11/8/2020 được ký kết giữa Công ty cổ phần N với Công ty TNHH X1, nên không cần thiết phải thu thập các Hợp đồng, chứng từ, hóa đơn, biên bản nghiệm thu, tài liệu thanh quyết toán và các tài liệu khác liên quan đến các hợp đồng này. Mặt khác, Chi nhánh Công ty cổ phần Đ và Trạm ra đa 23 không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này nên không cần thiết phải đưa Chi nhánh Công ty cổ phần Đ và Trạm ra đa 23 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo như yêu cầu của Nguyên đơn.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại:

Công ty cổ phần N phải nộp là 31.063.000đ. Công ty cổ phần N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 56.900.000đ theo biên lai thu số 0001171 ngày 15/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Cà Mau, được đối trừ, Công ty cổ phần N được nhận lại 25.837.000đ.

Công ty TNHH X1 phải nộp 124.748.000đ, đối trừ số tiền đã tạm ứng án phí nộp là 62.712.000đ. Công ty TNHH X1 phải nộp tiếp 62.036.000đ.

[10] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty N không phải chịu. đã dự nộp 2.000.000đ được nhận lại.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty N.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2022/KDTM-ST ngày 18/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần N về việc yêu cầu hủy Hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021 được ký kết giữa Công ty cổ phần N với Công ty TNHH X1.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH X1.

Tuyên bố chấm dứt thực hiện Hợp đồng kinh tế số 09/2021/HĐKT ngày 15/02/2021 được ký kết giữa Công ty cổ phần N với Công ty TNHH X1.

Buộc Công ty cổ phần N tiếp tục thanh toán cho Công ty TNHH X1 số tiền là: 676.589.340đ (Sáu trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi chín ngàn, ba trăm bốn mươi đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH X D kiện Công ty cổ phần N phần chênh lệch số tiền là 16.748.871.000đ.

Kể từ ngày Công ty TNHH X1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần N còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại:

Công ty cổ phần N phải nộp là 31.063.000đ. Công ty cổ phần N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 56.900.000đ theo biên lai thu số 0001171 ngày 15/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, đối trừ, Công ty cổ phần N được nhận lại 25.837.000đ.

Công ty TNHH X1 phải nộp 124.748.000đ, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 62.712.000đ theo biên lai thu số 0001460 ngày 31/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, Công ty TNHH X1 phải nộp tiếp 62.036.000đ.

4/ Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty N không phải chịu, ngày 28/10/2022 đã dự nộp 2.000.000đ theo biên lai thu số 0002357 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Hùng Quang